

Số: 108 /SNN-PTNT

Hung Yên, ngày 19 tháng 02 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Kế hoạch phát triển làng
nghề, Kế hoạch thực hiện Chương trình
OCOP tỉnh Hưng Yên năm 2020

Kính gửi: - Các Sở, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020; Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025;

Nhằm khuyến khích, hỗ trợ các làng nghề phát triển sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, lan tỏa nghề truyền thống trên địa bàn; đồng thời, triển khai thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm đạt mục tiêu đề ra, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng dự thảo Kế hoạch phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2020, Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP tỉnh Hưng Yên năm 2020.

Để nội dung Kế hoạch được ban hành kịp thời, sát với tình hình nhiệm vụ trước khi trình UBND tỉnh ban hành, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình nghiên cứu, tham gia đóng góp ý kiến bằng văn bản vào dự thảo Kế hoạch phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2020, Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP tỉnh Hưng Yên năm 2020 (gửi kèm dự thảo Kế hoạch).

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Phát triển nông thôn, số 47 Trưng Trắc, P. Quang Trung. TP. Hưng Yên; email: phongxaydungntmhy@gmail.com) trước ngày 25/02/2020 để tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục PTNT;
- Lưu: VT.

Thang
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Trung Cẩn

Số: /KH-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2020

DƯ THẢO

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình OCOP tỉnh Hưng Yên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BCĐTU ngày 22/8/2018 của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP tỉnh Hưng Yên năm 2020, bao gồm các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp, huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện Chương trình OCOP; xác định rõ mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ trọng tâm; chủ động, quyết tâm, phối hợp thường xuyên, thống nhất giữa các sở, ngành và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến các cấp, các ngành và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP; hỗ trợ các tổ chức kinh tế và người dân tích cực tham gia Chương trình OCOP góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị và phát triển bền vững góp phần thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “kinh tế và tổ chức sản xuất” trong xây dựng nông thôn mới.

- Đào tạo, tập huấn kiến thức chuyên môn về Chương trình OCOP cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp và lãnh đạo các doanh nghiệp, HTX, THT, các chủ hộ sản xuất kinh doanh về kiến thức quản lý sản xuất kinh doanh và Chương trình OCOP.

- củng cố, nâng cấp, định hướng phát triển các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP; đánh giá, xếp hạng các sản phẩm OCOP của tỉnh năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trong tỉnh, khu vực và thực hiện tốt hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2. Yêu cầu

- Các thành viên Ban chỉ đạo, thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo, cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để có đóng góp tích cực, hiệu quả vào việc triển khai thực hiện các mục tiêu Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh.

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công theo Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, các thành viên phải chịu trách nhiệm trước Ban chỉ đạo và UBND tỉnh về kết quả công tác trong lĩnh vực phụ trách.

- Tập trung chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của từng địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ, định hướng cho các chủ thể sản xuất phát triển sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo dựng thương hiệu sản phẩm OCOP đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh (ưu tiên phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ) nhằm sản xuất các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường.

- Phân đầu 100% cán bộ quản lý Chương trình OCOP cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ quản lý, điều hành triển khai trực tiếp Chương trình OCOP; 100% các nhà quản lý của các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ có đăng ký sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình OCOP được đào tạo tập huấn kiến thức chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh.

- Năm 2020, phần đầu có khoảng 30 sản phẩm được đánh giá, xếp hạng đạt 03 sao trở lên. *(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

2. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Công tác tuyên truyền về Chương trình OCOP

- Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình OCOP trên phạm vi toàn tỉnh, để cán bộ và người dân thấy rõ lợi ích, giá trị kinh tế khi thực hiện Chương trình OCOP.

- Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền qua hội nghị, hội thảo chuyên đề, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm; xây dựng các chuyên mục trên Báo Hưng Yên, Đài PTTH tỉnh, các trang thông tin điện tử về Chương trình OCOP.

- In tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Chương trình OCOP.

- Thời gian thực hiện: Quý I,II/2020.

b) Tập huấn về Chương trình OCOP

- Nội dung tập huấn: gồm Chu trình OCOP thường niên, công tác quản lý, triển khai thực hiện Chương trình, hướng dẫn đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP hàng năm; hình thành, tái cơ cấu hợp tác xã/doanh nghiệp, nghiên cứu và phát triển sản phẩm...; năng lực hỗ trợ, tư vấn trực tiếp tổ chức kinh tế tham gia chương trình OCOP (kỹ năng tư vấn tổ chức, tư vấn xây dựng dự án đầu tư hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến, hoàn thiện sản phẩm, hồ sơ OCOP,...).

- Đối tượng: Lãnh đạo, cán bộ quản lý, phụ trách Chương trình OCOP ở các cấp; các chủ thể sản xuất (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh, chủ trang trại...) đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

- Thời gian thực hiện: Quý II,III/2020.

c) Nâng cao năng lực quản lý, kinh nghiệm thực tế triển khai Chương trình OCOP

Tổ chức các đoàn công tác của BCD, TGV, cán bộ làm OCOP cấp tỉnh, huyện, chủ thể sản xuất đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các tỉnh, thành phố trong công tác triển khai Chương trình OCOP.

d) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh và nâng cấp sản phẩm

- Định hướng, khuyến khích các tổ chức kinh tế nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chí OCOP, phát triển sản phẩm mới và đa dạng hóa sản phẩm; tiêu chuẩn hóa các sản phẩm hiện có đảm bảo mục tiêu đề ra, trước mắt tập trung chỉ đạo đối với một số sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh thuộc 6 nhóm sản phẩm (thực phẩm, đồ uống, thảo dược, vải và may mặc, lưu niệm - nội thất - trang trí, dịch vụ du lịch nông thôn).

- Tổ chức tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức kinh tế có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, về: đầu tư máy móc, trang thiết bị tiên tiến hiện đại phục vụ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản, chế biến sản phẩm; thiết kế nhãn hiệu, mẫu, bao gói sản phẩm và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm OCOP; xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tiếp cận nguồn vốn; thuê chuyên gia tư vấn nâng cấp sản phẩm OCOP đạt từ 4 sao lên 5 sao.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm hộ, tổ sản xuất, hợp tác xã nâng cấp, hoàn thiện cơ sở sản xuất, hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh theo hướng gia tăng thành viên, cổ đông, mở rộng quy mô sản xuất và kinh doanh, đảm bảo đủ các điều kiện để chuyển đổi loại hình hoạt động thành Hợp tác xã kiểu mới hoặc doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình OCOP liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, sản xuất gắn với phát triển thị trường, nâng cao giá trị gia tăng;

- Xây dựng, triển khai mô hình điểm hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP (tập huấn; hướng dẫn xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, áp dụng quy trình kỹ

thuật sản xuất đảm bảo quy chuẩn; hỗ trợ xây dựng hạ tầng; hướng dẫn, tư vấn lập hồ sơ tham gia xếp hạng sản phẩm).

e) Tổ chức đánh giá, xếp hạng và khen thưởng sản phẩm đã được công nhận

- Trên cơ sở Bộ tiêu chí, quy trình đánh giá, xếp hạng sản phẩm được Trung ương ban hành, tiến hành tổ chức thực hiện triển khai đánh giá và xếp hạng sản phẩm đảm bảo đồng bộ, đúng các quy định về quản lý chất lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm trong Chương trình OCOP.

- Tổ chức đánh giá và xếp hạng các sản phẩm đã đăng ký tham gia Chương trình OCOP (cấp huyện, cấp tỉnh) năm 2020. Thời gian thực hiện: Quý II/2020

- Khen thưởng cho các chủ thể có sản phẩm OCOP được công nhận từ 03 sao trở lên.

- + Sản phẩm đạt 3 sao: 5.000.000đ/sản phẩm

- + Sản phẩm đạt 4 sao: 10.000.000đ/sản phẩm

- + Sản phẩm đạt 5 sao: 20.000.000đ/sản phẩm

Mỗi chủ thể được khen thưởng 01 lần sau khi UBND tỉnh quyết định công nhận hạng sản phẩm. Riêng các chủ thể có nhiều sản phẩm được công nhận, được khen thưởng tối đa không quá 30 triệu đồng.

g) Xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm

- Lòng ghép, tổ chức hội chợ OCOP và diễn đàn kết nối giao thương cấp tỉnh; hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia hội chợ, triển lãm trong nước (ưu tiên, tập trung vào các Chương trình OCOP quốc gia) nhằm quảng bá giới thiệu các sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Tập trung xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và chủ hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm, gỡ gạc, tìm kiếm nhà phân phối, mở rộng thị trường.

h) Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ OCOP

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học quản lý trong xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã sản xuất sản phẩm OCOP; minh bạch quá trình hình thành và kết nối cung cầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm OCOP.

- Khuyến khích, hỗ trợ chủ thể tham gia Chương trình OCOP ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến hiện đại trong sản xuất, bảo quản, chế biến đối với sản phẩm OCOP; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm OCOP, như: Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP), tiêu chuẩn quy trình làm vệ sinh và thủ tục kiểm soát vệ sinh (SSOP), tiêu chuẩn hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm giới hạn (HACCP), quy trình quản lý chất lượng (ISO),...

- Ưu tiên công tác phát triển, đăng ký xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ về kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm OCOP.

i) Hội nghị sơ kết thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2019-2020

- Tổ chức 01 Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2019-2020, đề xuất phương hướng triển khai những năm tiếp theo.

- Thời gian: Dự kiến Quý IV/2020.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương giao cho các đơn vị thực hiện và nguồn xã hội hóa.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo Chương trình OCOP

- Triển khai thực hiện Kế hoạch, cân đối, huy động các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

- Điều phối các hoạt động của các sở, ngành, đơn vị liên quan tham gia thực hiện Kế hoạch.

- Tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp huyện, cấp tỉnh.

- Thành viên Ban chỉ đạo chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn được phân công phụ trách theo Thông báo số 04/TB-BCĐ ngày 22/7/2019 của Ban chỉ đạo.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Là cơ quan Thường trực Chương trình, tham mưu giúp Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý; tham quan học tập kinh nghiệm, tham gia hội chợ, triển lãm; các hoạt động hỗ trợ đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả.

- Đôn đốc, hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và cơ quan thường trực Chương trình OCOP Trung ương theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Khoa học công nghệ, Y tế thường xuyên kiểm tra, giám sát sản phẩm đảm bảo chất lượng theo tiêu chí đã được UBND tỉnh công nhận.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan tham mưu bố trí phân bổ nguồn vốn từ Chương trình MTQG xây dựng NTM cho các địa phương để lồng ghép vào các hoạt động của Chương trình.

- Phối hợp với Sở Công thương, các sở, ngành liên quan lồng ghép tổ chức hội chợ trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; tổ chức tham gia các hội chợ OCOP ngoài tỉnh để quảng bá, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch năm 2020, trong đó rà soát, đề xuất điều chỉnh các nội dung cho phù hợp với thực tế và đúng quy định; quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật và tỉnh.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh; đề xuất UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch Chương trình cho giai đoạn tiếp theo.

2. Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan thực hiện có hiệu quả các hoạt động khuyến công, phát triển hình thức thương mại điện tử, xúc tiến thương mại để quảng bá, kết nối và tiêu thụ sản phẩm (Hội chợ, triển lãm...).

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, Khoa học Công nghệ thiết kế mẫu mã, bao bì nhãn mác sản phẩm và quản lý theo quy định; lồng ghép các hoạt động của ngành với việc thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất, cân đối, đảm bảo bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Hỗ trợ các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP về nghiệp vụ, chế độ quản lý tài chính; hướng dẫn cơ chế chính sách liên quan đến huy động các nguồn lực trong triển khai thực hiện Chương trình OCOP.

- Kiểm tra, rà soát, hướng dẫn các đơn vị liên quan quản lý, sử dụng kinh phí và thực hiện quyết toán theo đúng quy định pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối kế hoạch nguồn vốn trung ương, của tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP hàng năm, giai đoạn trình cấp thẩm quyền quyết định; xây dựng chiến lược, kế hoạch thu hút các nguồn tài trợ kinh phí từ Trung ương, các tổ chức nước ngoài, các doanh nghiệp để thực hiện Chương trình OCOP.

- Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm hộ, tổ sản xuất, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình OCOP thành lập doanh nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã có nhu cầu chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương hướng dẫn các chủ thể sản xuất xây dựng, quản lý nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa, đăng ký bảo hộ, sở hữu trí tuệ nhãn hiệu sản phẩm.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP; hàng năm tổng hợp nhu cầu, đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP.

- Chủ động kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm OCOP theo quy định.

6. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nhóm sản phẩm lĩnh vực ngành quản lý; hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ, thủ tục sản phẩm liên quan đến ngành y tế đảm bảo các quy định hiện hành trước khi lưu thông trên thị trường.

- Chủ trì quản lý, hỗ trợ các chủ thể sản xuất thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và đăng ký công bố chất lượng sản phẩm.

- Chủ động kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm OCOP theo quy định; lồng ghép các hoạt động của ngành với sản xuất và phát triển các sản phẩm của Chương trình.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì nghiên cứu, phát triển, quảng bá các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với du lịch nông thôn trên cơ sở phát huy thế mạnh các danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nhóm sản phẩm theo lĩnh vực ngành quản lý; xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình phát triển văn hóa, du lịch gắn với Chương trình OCOP và xây dựng nông thôn mới trình UBND tỉnh phê duyệt.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình ở tỉnh và địa phương mở các chuyên mục, tọa đàm để tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình; các cổng thông tin điện tử, thường xuyên đăng tải các tin, bài về triển khai Chương trình OCOP, các hội nghị, hội thảo, các gương tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Chương trình OCOP.

9. Ngân hàng Nhà nước tỉnh

Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện có hiệu quả Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Chương trình OCOP, cũng như các cơ chế, chính sách tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất; kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các đối tượng tham gia Chương trình OCOP để có các giải pháp tháo gỡ.

10. Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của ngành, đơn vị thực hiện lồng ghép các hoạt động để phục vụ việc tổ chức thực hiện Chương trình góp phần sản xuất các sản phẩm truyền thống, đặc sản của địa phương để nâng cao thu nhập cho các tổ chức kinh tế và người dân trên địa bàn.

11. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị, xã hội

Đề nghị UBMTTQ Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đoàn TNCSHCM tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh tăng cường các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, thành viên tích cực tham gia thực hiện Chương trình; chủ động tổ chức các hoạt động tham gia vào chuỗi giá trị hình thành trong quá trình thực hiện Chương trình; đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện)

- Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ chuyên trách để theo dõi và thực hiện trên địa bàn; đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng nội dung của Chương trình đến các tổ chức kinh tế, các tầng lớp nhân dân, chỉ đạo các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện Chương trình gắn với nhóm kinh tế và tổ chức sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện năm 2020, phân công nhiệm vụ cụ thể nội dung Chương trình cho từng đơn vị chuyên môn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động liên quan đến Chương trình.

- Triển khai các bước trong quá trình thực hiện chu trình OCOP thường niên theo hướng dẫn của các cơ quan cấp tỉnh; tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm tại địa phương theo đúng tiến độ thời gian; thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền các nội dung của Chương trình.

- Bố trí, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án để thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP; tổ chức kiểm tra giám sát các hoạt động thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Phát triển nông thôn).

13. Các chủ thể sản xuất sản phẩm tham gia Chương trình OCOP

- Tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế theo chuỗi giá trị, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, góp phần tăng thu nhập và giảm nghèo.

- Tích cực huy động nguồn lực của đơn vị để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng (máy móc thiết bị, nhà xưởng,...) có đủ năng lực sản xuất các sản phẩm OCOP ở quy mô trung bình trở lên; nâng cao chất lượng sản phẩm đảm bảo theo yêu cầu các tiêu chí sản phẩm OCOP.

- Hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm OCOP, chủ động các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại bằng nhiều hình thức (hệ thống đại lý phân phối, thương mại điện tử, tham gia hội chợ, xây dựng các điểm bán hàng,...) để tiêu thụ sản phẩm của đơn vị.

- Các chủ thể có sản phẩm được UBND tỉnh công nhận đạt các hạng sao, được sử dụng giấy chứng nhận OCOP nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm ra thị trường; đồng thời, duy trì kết quả đã được công nhận và phát triển sản phẩm, tiếp tục bổ sung hồ sơ đề nghị đánh giá nâng hạng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

- Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, chế biến các sản phẩm OCOP theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP tỉnh Hưng Yên năm 2020, yêu cầu các ngành, địa phương có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Chi cục Phát triển nông thôn;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Thế Cử

Phụ lục:**GIAO CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM OCOP NĂM 2020**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Huyện/ Thành phố	Thực hiện năm 2019			Chỉ tiêu năm 2020			
		3 sao	4 sao	Tổng	Duy trì KQ năm 2019			Đánh giá năm 2020
					3 sao	4 sao	Tổng	
1	TP. Hưng Yên	5	2	7	5	2	7	3
2	TX. Mỹ Hào	7	3	10	7	3	10	3
3	Ấn Thi	1	0	1	1	0	1	2
4	Kim Động	0	0	0	0	0	0	4
5	Phù Cừ	2	0	2	2	0	2	3
6	Tiên Lữ	0	0	0	0	0	0	3
7	Khoái Châu	1	3	4	1	3	4	4
8	Yên Mỹ	0	0	0	0	0	0	3
9	Văn Giang	0	0	0	0	0	0	3
10	Văn Lâm	0	0	0	0	0	0	2
	Toàn tỉnh	16	8	24	16	8	24	30

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2020

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2020 như sau:

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Thực trạng hoạt động của làng nghề

a) Về kết quả sản xuất kinh doanh tại các làng nghề

Năm 2019, toàn tỉnh có 55 làng nghề, trong đó có 37 làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận. Các làng nghề hoạt động theo từng nhóm nghề khác nhau: chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản (18 làng); sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (04 làng); xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn (06 làng); sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ (23 làng); sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh (03 làng); các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn (01 làng). Tổng số cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh tại các làng nghề là 14.337 cơ sở, trong đó có 14.009 hộ sản xuất; 315 doanh nghiệp; 13 Hợp tác xã, tổ hợp tác, giải quyết việc làm cho trên 38.000 lao động; doanh thu của các cơ sở trong làng nghề đạt trên 7.900 tỷ đồng.

Trong 55 làng nghề có 35 làng nghề hoạt động hiệu quả, điển hình: Làng nghề hoa, cây cảnh Xuân Quan xã Xuân Quan huyện Văn Giang đạt doanh thu 1.152 tỷ đồng; làng nghề Chế biến lương thực, thực phẩm và kinh doanh tổng hợp thôn Trai Trang, TT Yên Mỹ đạt doanh thu hơn 2.616 tỷ đồng; làng nghề mộc mỹ nghệ Hòa Phong xã Hòa Phong TX Mỹ Hào đạt doanh thu 488,5 tỷ đồng; làng nghề truyền thống Đúc đồng Lộng Thượng xã Đại Đồng huyện Văn Lâm đạt doanh thu hơn 250 tỷ đồng...; thu nhập bình quân của người lao động chính từ 100 - 130 triệu đồng/người/năm; một số làng nghề hoạt động theo thời vụ, không ổn định tuy có doanh thu không cao nhưng đã tạo việc làm cho người lao động lúc nông nhàn và mang lại thu nhập từ 2-3 triệu đồng/người/tháng như làng nghề truyền thống đan dó - dọ thôn Tất Viên, Nội Lãng xã Thủ Sỹ huyện Tiên Lữ; làng nghề gốm sứ thôn 4 xã Xuân Quan huyện Văn Giang; làng nghề chế biến, sấy mứt táo Thiết Trụ xã Bình Minh huyện Khoái Châu... Việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn đã khai thác tốt hạ tầng cơ sở, tận dụng được nguồn lao động,

nguyên liệu tại chỗ của địa phương góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn lúc nông nhàn góp phần tăng thu nhập; cải thiện và nâng cao đời sống người dân nông thôn.

Tuy nhiên, trong tiến trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn và nhu cầu của thị trường đòi hỏi chất lượng, mẫu mã sản phẩm hàng hóa đa dạng, sức cạnh tranh cao dẫn tới một số làng nghề hoạt động cầm chừng hoặc phải dừng hoạt động. Theo số liệu rà soát tại các huyện, thành phố, có 12 làng nghề hoạt động cầm chừng, có nguy cơ bị mai một và 8 làng nghề dừng hoạt động.

b) Về quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại

Việc xây dựng thương hiệu đã được các địa phương, làng nghề triển khai thực hiện. Đến nay, có 9 làng nghề đã được công nhận nhãn hiệu tập thể (làng nghề Chạm bạc Huệ Lai xã Phù Ủng huyện Ân Thi; làng nghề truyền thống hương Cao thôn xã Bảo Khê TP. Hưng Yên; làng nghề truyền thống Tương bản Phố Bần Yên Nhân TX. Mỹ Hào; làng nghề hoa, cây cảnh Xuân Quan xã Xuân Quan; làng nghề quạt cảnh Thắng Lợi xã Thắng Lợi huyện Văn Giang; làng nghề truyền thống sản xuất rượu Trương Xá xã Toàn Thắng huyện Kim Động; làng nghề chế biến hoa quả thôn Phương Trung xã Phương Chiêu TP. Hưng Yên; làng nghề sản xuất rượu thôn Ngọc xã Lạc Đạo; làng nghề truyền thống đúc đồng Lộng Thượng xã Đại Đồng huyện Văn Lâm) và nhiều làng nghề khác đang xây dựng kế hoạch và đề xuất các cơ quan chức năng hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu.

Công tác xúc tiến thương mại nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm đã được một số địa phương, làng nghề quan tâm thực hiện; tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm nhằm tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ như: sản phẩm đúc đồng của làng nghề truyền thống đúc đồng Lộng Thượng xã Đại Đồng huyện Văn Lâm, sản phẩm tương bản của làng nghề truyền thống tương bản Phố Bần Yên Nhân TX. Mỹ Hào, làng nghề truyền thống hương Cao thôn xã Bảo Khê TP Hưng Yên... Tuy nhiên, nhiều làng nghề chưa quan tâm, chú trọng đến xây dựng thương hiệu, công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nên sản phẩm chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến, thị trường tiêu thụ sản phẩm còn hạn hẹp, không ổn định do vậy nhiều làng nghề phải thu hẹp và dừng hoạt động.

c) Về bảo vệ môi trường làng nghề nông thôn

Xác định bảo vệ môi trường làng nghề là một nhiệm vụ quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của làng nghề và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng dân cư trong làng nghề và vùng phụ cận; các cấp, các ngành, các địa phương đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sát sao và có các giải pháp phù hợp để vừa bảo vệ môi trường và vừa phát triển sản xuất trong các làng nghề. Thời gian gần đây, ý thức của người dân trong việc thu gom, xử lý các chất thải tại các làng nghề từng bước được nâng cao góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề nông thôn. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề có nguy cơ ngày

càng phức tạp, khó kiểm soát; tình trạng ô nhiễm do nước thải, ô nhiễm chất hữu cơ các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ; ô nhiễm tại các làng nghề tái chế nhựa, tái chế kim loại,... Có tình trạng hộ gia đình, cơ sở làm nghề vì lợi ích kinh tế, dù biết rõ mức độ nguy hiểm nhưng chấp nhận sống chung với ô nhiễm, đặc biệt tại các làng nghề tái chế phế liệu như làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, làng nghề tái chế phế liệu Phan Bội xã Dị Sử huyện Mỹ Hào gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa được xử lý triệt để; một số làng nghề mộc gây ô nhiễm môi trường về bụi, mùi, tiếng ồn.

2. Tình hình công nhận nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống

Thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn; căn cứ các tiêu chí, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã khảo sát, kiểm tra các làng nghề, hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đến nay, UBND tỉnh đã ra quyết định công nhận 37 làng nghề (trong đó có 8 làng nghề truyền thống). Sở Nông nghiệp & PTNT tiếp tục đôn đốc các huyện, thành phố rà soát, tổng hợp và lập hồ sơ đề nghị công nhận cho các làng nghề đủ điều kiện theo quy định.

Năm 2019, căn cứ kết quả rà soát tình hình hoạt động của các làng nghề trên địa bàn tỉnh và đề nghị của UBND thị xã Mỹ Hào, UBND tỉnh đã thẩm định và quyết định thu hồi Bằng công nhận làng nghề tái chế phế liệu Phan Bội, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào do không đảm bảo đạt tiêu chí về bảo vệ môi trường.

3. Đánh giá chung

a) Những thuận lợi

Chính phủ, các Bộ, ngành và UBND tỉnh quan tâm ban hành cơ chế chính sách, định hướng phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thúc đẩy làng nghề, ngành nghề phát triển; kết cấu hạ tầng của các làng nghề được tăng cường do có sự hỗ trợ đầu tư của nhà nước cùng với sự đóng góp của người dân thực hiện với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; khuyến khích hỗ trợ cho các làng nghề áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, tham gia xúc tiến thương mại, quảng bá, xây dựng thương hiệu... mở rộng quy mô sản xuất, thị trường tiêu thụ sản phẩm; môi trường làng nghề đã được các địa phương, làng nghề quan tâm đầu tư nhằm khắc phục, xử lý ô nhiễm môi trường đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề thân thiện với môi trường.

Các làng nghề, ngành nghề nông thôn phát triển đã tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động nông thôn, góp phần quan trọng trong thực hiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

b) Khó khăn, tồn tại

Công tác quản lý nhà nước về ngành nghề, làng nghề nông thôn ở một số

địa phương còn nhiều hạn chế; công tác tuyên truyền, phổ biến phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với bảo vệ môi trường chưa được thực hiện thường xuyên.

Việc tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng của các hộ, HTX, doanh nghiệp trong các làng nghề còn gặp khó khăn do cơ chế về thủ tục, tài sản thế chấp... dẫn đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề thiếu vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Môi trường làng nghề có nguy cơ ô nhiễm cao, nhất là tại các làng nghề tái chế phế liệu và các làng nghề chế biến nông sản; việc xử lý ô nhiễm tại các làng nghề đã được chỉ đạo triển khai nhưng kết quả đạt được chưa cao, nhiều địa phương chưa có giải pháp khắc phục, xử lý triệt để.

Nhiều làng nghề chưa xây dựng được thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm; một số làng nghề đã có thương hiệu nhưng chưa quan tâm nhiều đến công tác quảng bá, xúc tiến thương mại... dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm còn chậm, chưa mở rộng thị trường tiêu thụ; công tác khuyến khích phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp trong các làng nghề còn chậm.

Việc lập hồ sơ tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP còn yếu do các chủ thể sản xuất tại các làng nghề chưa chủ động, tích cực tham gia.

II. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ NĂM 2020

1. Mục tiêu, yêu cầu

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến về các chính sách bảo tồn, phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về tầm quan trọng của phát triển làng nghề đối với kinh tế nông thôn.

- Phát triển mạnh các làng nghề sản xuất những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, thị trường rộng (hoa, cây cảnh, đồ dùng nội thất, mỹ nghệ); khuyến khích sự lan tỏa, cây nghề truyền thống ra vùng xung quanh và đẩy mạnh hỗ trợ phát triển sản phẩm mới; hỗ trợ phát triển làng nghề có điều kiện gắn với du lịch.

- Hỗ trợ các làng nghề đủ điều kiện đăng ký nhãn hiệu hàng hóa; hỗ trợ thực hiện công tác xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

- Khuyến khích, hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các làng nghề tích cực tham gia Chương trình OCOP.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

- a) Tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Hưng Yên, Đài PTTH tỉnh, trang thông tin điện tử của ngành Nông nghiệp & PTNT, Bản tin Sản xuất và thị trường, Đài truyền thanh cấp huyện, Đài truyền thanh cấp xã,... tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ; giới thiệu, phổ biến các cơ sở, THT, HTX, doanh nghiệp làng nghề

diễn hình hoạt động có hiệu quả và phát triển mạnh; tuyên truyền, vận động người dân bảo tồn, gìn giữ các nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống của địa phương mình.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; xây dựng tờ rơi, biển quảng cáo, bộ tài liệu về các văn bản, chính sách phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn cấp phát miễn phí cho các hộ sản xuất, THT, HTX, doanh nghiệp làng nghề.

- Tổ chức các đoàn đi tham quan, học tập các mô hình làng nghề, làng nghề truyền thống có triển vọng ở nơi khác nhằm học tập, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để xây dựng, phát triển làng nghề mới ở địa phương.

b) Rà soát các làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh

- Đối với những làng nghề đang trong quá trình suy vong và có khả năng mất đi cần xác định bảo tồn là chính, coi đó là tài sản văn hóa; tiến hành điều tra, xác định và xây dựng kế hoạch duy trì một vài hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghề nhân hoạt động “trình diễn” nghề nhằm phục vụ yêu cầu du lịch, văn hóa như làng nghề đan dó – rọ Nội Lãng, mây tre đan Duyên Linh, thêu ren Bình Kiều, thêu tranh Hoàng Xá,...; tăng cường công tác thu thập, bảo tồn và lưu giữ tư liệu về giá trị truyền thống của làng nghề, hỗ trợ xây dựng các phòng và nhà trưng bày, bảo tàng nghề; chuyển đổi một số ngành nghề, làng nghề khó khăn về thị trường thông qua sự hỗ trợ về vốn đầu tư, đào tạo nghề, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện cho các làng nghề được phục hồi và phát triển.

- Phát triển mạnh các làng nghề (nghề mộc Hòa Phong, Minh Khai, Thụy Lâm, tương Bần, nghề trồng hoa cây cảnh Văn Giang,...) tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, thị trường lớn; khuyến khích sự lan tỏa nghề truyền thống trên địa bàn và đẩy mạnh hỗ trợ phát triển sản phẩm mới.

- Quan tâm phát triển các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chú trọng sản xuất các mặt hàng có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

- Sử dụng công nghệ truyền thống kết hợp áp dụng cơ khí hóa một số công đoạn sản xuất thủ công mà không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm.

- Hỗ trợ, hướng dẫn làm thủ tục đề nghị xét công nhận các làng nghề có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Đối với các làng nghề gây ô nhiễm môi trường cần hỗ trợ di dời vào các khu quy hoạch, CCN sản xuất tập trung theo quy hoạch; kiểm tra, đánh giá mức độ ô nhiễm đối với các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, xử lý ô nhiễm môi trường; đồng thời, trình cấp có thẩm quyền thu hồi bằng công nhận làng nghề không đạt tiêu chí theo quy định.

c) Hỗ trợ xúc tiến thương mại

- Hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất tại các làng nghề xây dựng, đăng ký bảo hộ, quảng bá thương hiệu hàng hóa.

- Hỗ trợ làng nghề tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị giao thương, kết nối cung cầu nhằm giới thiệu, quảng bá thương hiệu giúp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

d) Hỗ trợ chủ thể sản xuất đầu tư mua sắm máy, thiết bị phục vụ sản xuất tại các làng nghề

Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác tại làng nghề đầu tư mua sắm máy, thiết bị phục vụ sản xuất góp phần thúc đẩy sản xuất tại các làng nghề.

Nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn.

e) Hỗ trợ chủ thể sản xuất tại các làng nghề tham gia Chương trình OCOP

- Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất (doanh nghiệp, HTX, THT, chủ hộ kinh doanh) tại các làng nghề lập hồ sơ tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm năm 2020.

- Hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các làng nghề đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu tại các hội chợ, triển lãm, các chương trình giao thương, kết nối cung cầu các sản phẩm OCOP do Trung ương và các địa phương tổ chức.

g) Hỗ trợ xây dựng hạ tầng tại các làng nghề

- Nhà nước đầu tư hạ tầng cơ sở như: hệ thống giao thông, hệ thống điện,... phục vụ phát triển sản xuất tại các làng nghề gồm sứ Xuân Quan, mây tre đan Duyên Yên, mộc Hòa Phong, hệ thống xử lý chất thải làng nghề, hệ thống kho chứa, bảo quản sản phẩm làng nghề.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng các phòng hoặc nhà trưng bày sản phẩm, công cụ của các làng nghề đan dó – rọ Tất Viên, đúc đồng Lộng Thượng, chạm bạc Huệ Lai, hương thôn Cao, rượu Lạc Đạo,... nhằm bảo tồn và lưu giữ tư liệu, quảng bá, giới thiệu về giá trị truyền thống của làng nghề.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển làng nghề được bố trí từ ngân sách nhà nước, từ các nguồn đầu tư của chủ thể sản xuất tại các làng nghề và các nguồn huy động hợp pháp khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch Phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2020.

- Nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích để phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021-2025 phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có làng nghề định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình phát triển làng nghề trên địa bàn và báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành, huyện, thành phố liên quan triển khai thực hiện công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ làng nghề quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích, ưu đãi hỗ trợ các làng nghề thực hiện công tác xúc tiến thương mại (tham gia hội chợ, triển lãm,...).

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các huyện, thành phố có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện nhiệm vụ phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên.

4. Sở Tài chính

Căn cứ nhiệm vụ phát triển làng nghề theo kế hoạch hàng cân đối nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, tham mưu trình UBND tỉnh bố trí để triển khai thực hiện; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện.

5. Đài PT&TH tỉnh, Báo Hưng Yên: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cơ chế, chính sách, nội dung phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống; giới thiệu mô hình làng nghề phát triển, hiệu quả để nhân rộng. Tăng cường phổ biến, giới thiệu các sản phẩm, thương hiệu của các làng nghề góp phần thúc đẩy hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

6. Các sở, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung Kế hoạch này.

7. Hội Nông dân tỉnh

Chỉ đạo các cấp, hội cơ sở tích cực phối hợp với các sở, ngành và địa phương tuyên truyền, phổ biến, vận động nông dân tham gia thực hiện Kế hoạch.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tăng cường rà soát tình hình hoạt động của các làng nghề, tiếp tục đề nghị công nhận những làng nghề đủ điều kiện; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các làng nghề tiếp cận cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy phát triển làng nghề.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, hỗ trợ thành lập các tổ, nhóm, hội những người cùng sở thích tạo nguồn phát triển thành các THT,

HTX, doanh nghiệp làng nghề; chỉ đạo UBND cấp xã tạo điều kiện thuận lợi cho các làng nghề tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn

- Tích cực, chủ động lồng ghép hoặc bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án về phát triển làng nghề trên địa bàn; hướng dẫn, hỗ trợ cho các chủ thể sản xuất tại các làng nghề xây dựng hồ sơ tham gia Chương trình OCOP.

Trên đây là Kế hoạch phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục PTNT;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thế Cử